

Số: 572/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước
giai đoạn 2016-2020

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tại các Phụ lục đính kèm, bao gồm số vốn thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch.

Điều 2. Các bộ, ngành trung ương và địa phương triển khai:

1. Giao chi tiết và thông báo cho các đơn vị phân vốn cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng theo đúng quy định tại Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành.

2. Thông báo cho các đơn vị danh mục và kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 cho từng dự án theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số

1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại văn bản số 88/UBTVQH14-TCNS ngày 03 tháng 3 năm 2017, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương được giao, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí như sau:

a) Việc phân bổ vốn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Việc phân bổ vốn phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và các văn bản liên quan.

c) Bố trí vốn đầu tư tập trung để khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, dờ dang, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; bố trí đủ vốn đối ứng các dự án ODA. Đồng thời, có giải pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, cần thiết, cấp bách, các chương trình mục tiêu, làm cơ sở thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, có tính kết nối và lan tỏa vùng, miền.

d) Cam kết bố trí phần vốn còn thiếu từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án được bố trí vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 đúng tiến độ. Trong trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư trung hạn, địa phương phải tự cân đối vốn bổ

sung từ các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng.

đ) Thứ tự ưu tiên trong phân bổ kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020:

- Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; thu hồi các khoản ứng trước. Không bố trí vốn ngân sách nhà nước để thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020.

- Sau khi bố trí đủ vốn theo thứ tự ưu tiên nêu trên, trường hợp còn vốn sẽ xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới.

3. Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kết quả giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước và thông báo phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 cho các đơn vị theo thời gian quy định tại Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu của các dự án do bộ, ngành trung ương và địa phương quản lý. Trường hợp phát hiện các thông tin không chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (5b);
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP Ban Chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- UBTCNS, UBKT của Quốc hội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND, UBND, Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty;
- Các hội, đoàn thể;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, Các đơn vị liên quan trong Bộ (danh sách kèm theo);
- Lưu: VT, Vụ TH

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng



Tỉnh Đắk Nông

Phụ lục I

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020
(KHÔNG BAO GỒM VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ)**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 572 /QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	5.516.225	4.706.856	809.369
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG (Không bao gồm bội chi NSDP)	2.616.683	2.616.683	
1	Phân bổ chi tiết (90%)	2.355.015	2.355.015	
-	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	1.804.665	1.804.665	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	492.750	492.750	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	57.600	57.600	



STT		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
2	Dự phòng chưa phân bổ (10%)	261.668	261.668	
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ⁽²⁾	2.899.542	2.090.173	809.369
1	Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	15.300	15.300	
2	Các chương trình mục tiêu	2.074.873	2.074.873	
-	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng	831.134	831.134	
-	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương	71.290	71.290	
-	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	58.682	58.682	
-	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	92.025	92.025	
-	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	875.000	875.000	



STT		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
-	Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương	9.830	9.830	
-	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa	14.400	14.400	
-	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch	11.247	11.247	
-	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm	111.265	111.265	

Ghi chú: (1) Từ năm 2017, theo Luật NSNN thì thu xổ số kiến thiết đưa vào cân đối ngân sách nhà nước.

(2) Không bao gồm dự phòng 10% chưa phân bổ.



Tỉnh Đắk Nông

Phụ lục số II

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Phụ lục theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					6.205.491	5.258.814	2.256.327	2.247.127	2.018.883	55.197
A	HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ CÔNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 22/QĐ-TTg	TT								15.300	
B	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					6.205.491	5.258.814	2.256.327	2.247.127	2.003.583	55.197
I	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					3.936.431	3.235.854	2.120.522	2.111.322	831.134	54.549
	Chuẩn bị đầu tư					6.690	6.690				
1	Đường Tôn Đức Thắng nối 2 trục Bắc Nam	Gia Nghĩa		2016	04/QĐ-BQL, 27/01/2016	427	427			420	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
2	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	Tuy Đức		2016	21/QĐ-DA 29/3/2016	1.061	1.061			450	
3	Đường từ đường Nguyễn Du qua trung tâm huyện đi Quốc lộ 14 (giai đoạn 1)	Đắk Mil		2016	34/QĐ-BQLDA 08/3/2016	522	522			380	
4	Nâng cấp đường tỉnh lộ 4, đoạn nội thị trấn Đắk Mâm	Krông Nô		2016	55/QĐ-QLDA 15/12/2015	560	560			560	
5	Các trục đường khu trung tâm Hành chính huyện Đắk Glong	Đắk Glong		2016	26/QĐ-DA 05/02/2016	575	575			560	
6	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp		2016	2246/QĐ-UBND 20/7/2015	595	595			560	
7	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song	Đắk Song		2016	666/QĐ-UBND 07/8/2015; 163/QĐ-UBND 25/02/2016	819	819			550	
8	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn - Cư K'Nia - Đắk Đrong - Nam Dong	Cư Jút		2016	498/QĐ-UBND 22/3/2016	928	928			500	
9	Nâng cấp đường Đắk R'la - Long Sơn, huyện Đắk Mil	Đắk Mil		2016	12/QĐ-BQLDA, 16/02/2016	696	696			350	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
10	Đường giao thông về xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	Krông Nô		2016	56/QĐ-QLDA 15/12/2015	507	507			450			
	Thực hiện dự án												
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020												
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015												
1	Tháp ăng ten tự đứng huyện Krông Nô	Krông Nô			168/QĐ-SKH, 29/8/2013; 247/QĐ-SKH, 12/11/2013	3.695	3.695	3.300	3.300	181			
2	Hạ tầng khu dân cư BDBP và khu tái định cư nhân dân (Khu A)	Gia Nghĩa		2010-2013	28/QĐ-SKH, 05/5/2011	18.864	18.864	8.500	8.500	2.326	2.326		
3	Cải tạo, nâng cấp đường vào đồn biên phòng 757	Đắk Mil		2010-2013	175/QĐ-SKH, 03/11/2009	12.655	12.655	11.013	11.013	1.207	1.207		



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
4	Nhà huấn luyện đa năng phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh	Gia Nghĩa		2013-2014	173/QĐ-UBND, 30/10/2012	3.174	3.174	2.441	2.441	559	559		
5	Dự án Trung tâm huấn luyện dự bị động viên Trung đoàn 994 tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 1)	Đắk Song	764,8m2	2010-2012	683/QĐ-UBND; 24/5/2010	17.734	17.734	16.555	16.555	411	411		
6	Đập dự trữ nước sinh hoạt Tiểu đoàn huấn luyện, cơ động	Đắk Mil		2013-2015	249/QĐ-SKH, 21/11/2013	5.174	5.174	4.497	4.497	151	151		
7	Đường giao thông từ quốc lộ 14 đi trung tâm cụm xã Đắk R'nh, huyện Đắk R'ấp	Đắk R'ấp	7.271 m		294/QĐ-UBND 08/3/2006; 665/QĐ-UBND 19/5/2010	27.921	27.921	26.010	26.010	893			
8	Trụ sở làm việc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh	Gia Nghĩa	Cấp IV	2012-2014	1436/QĐ-UBND, 31/10/2012	16.072	10.027	8.500	8.500	1.390	1.390		
9	Kè chống sạt lở Buôn Knha xã Đắk Wil	Cư Jút	2488m	2010-2012	103/QĐ-SKH, 06/7/2010; 41/QĐ-SKH, 10/8/2011	13.540	13.540	12.300	12.300	669	669		
10	Nâng cấp đập đầu mối hồ chứa nước Đắk Buk So kết hợp giao thông qua trung tâm hành chính huyện Tuy Đức	Tuy Đức	Tuổi 85 ha lúa, 50 ha cà phê	2010-2011	69/QĐ-UBND, 18/01/2010; 446/QĐ-UBND 21/3/2011	10.603	10.603	9.544	9.544	27			



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
11	Đường vào Sở chỉ huy thời chiến (công trình ST01)	Đắk G'long		2013-2015	926/QĐ-UBND, 21/6/2013	15.000	15.000	13.884	13.884	433	
12	Xây dựng đoạn Km21+636,11 -> Km24+636,11 thuộc dự án đường Đắk Mâm đi đôn 7 (759) - Tỉnh lộ 3	Krông Nô	3km	2015-2017	242/QĐ-SKH, 31/10/2014	14.900	12.840	5.300	5.300	5.305	
13	Trụ sở làm việc Huyện ủy Đắk G'Long	Đắk G'long		2007-2008	123/QĐ-SKH 18/8/2006; 167/QĐ-SKH 13/10/2006; 16/QĐ-SKH 07/03/2007	6.736	6.736	6.008	6.008	176	
14	Nhà in tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa			1031/ 20/10/2004; 920 15/7/2008	23.005	23.005			82	
15	Nâng cấp công trình thủy lợi Đắk Ru 1, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp		2015-2017	227/QĐ-SKH, 30/10/2013	15.205	15.205	5.400	5.400	9.629	
16	Nghĩa trang thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	15 ha	2010-2012	47/QĐ-SKH, 29/9/2011	17.783	17.783	17.331	17.331	452	452



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
17	Xây tường rào dài tường niệm huyện Tuy Đức	Tuy Đức			1630A/QĐ-UBND, 31/10/2012	1.340	1.340	1.100	1.100	156	156
18	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản	Gia Nghĩa		2013-2014	169/QĐ-SKH, 31/10/2012	7.280	7.280	6.200	6.200	352	352
19	Hồ Thác Hôn, xã Đức Mạnh	Đắk Mil		2013-2015	2233/QĐ-UBND, 29/12/2010; 1489/QĐ-UBND, 07/10/2014	44.478	44.478	38.365	38.365	3.207	
20	Mở rộng vùng phủ sóng chương trình truyền hình địa phương tỉnh Đắk Nông	Toàn tỉnh		2009-2015	1714/QĐ-UBND, 12/11/2009	31.003	31.003	30.508	30.508	495	495
21	Nhà luyện tập và thi đấu đa năng tỉnh Đắk nông	Gia Nghĩa		2006-2008	197/QĐ-SKH, ngày 22/11/2005	9.232	9.232	7.500	7.500	808	808
22	Thủy lợi Buôn Lang xã Quảng Phú	Krông Nô	28ha lúa nước 2vụ	2007-2009	1747/QĐ-UBND, 23/8/2006	4.961	4.961	4.000	4.000	961	961
23	Trụ sở làm việc trung tâm khuyến nông-khuyến ngư	Gia Nghĩa		2007-2009	154/QĐ-SKH, 11/10/2007	6.817	6.817	5.943	5.943	874	874



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
24	Đường vào xã Đắk R'Moan, thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2012-2014	1342/QĐ-UBND, 23/9/2008	26.082	8.934	7.500	7.500	1.434	1.434
25	Trạm QL BVR liên xã (trạm số 2) thuộc dự án đầu tư rừng phòng hộ Nam Cát Tiên	Đắk R'Lấp		2012-2013	151/QĐ-SKH, 09/10/2009; 194/QĐ-SKH, 13/11/2012	600	600	500	500	100	100
26	Hồ Bắc Sơn I, xã Đắk Gàn, huyện Đắk Mil	Đắk Mil			1117/QĐ-UBND, 31/8/2012	31.500	31.500	28.966	28.966	1.274	1.274
27	Trụ sở làm việc Tỉnh ủy	Gia Nghĩa			890/QĐ-UBND 16/9/2004	44.984	44.984	44.349	44.349	322	
28	Đường Quảng Sơn đi đôn 9, tỉnh lộ 6	Đắk G'Long	44km		459/QĐ-UBND 25/3/2016	110.862	101.062	98.986	89.786	9.853	7.853
29	Đường trục chính huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2,46Km bề tổng nhựa	2010-2013	1286/QĐ-UBND, 27/10/2009; 906/QĐ-UBND, 24/7/2012	55.848	55.848	50.751	50.751	1.392	1.392
30	Trung tâm Hội nghị và nhà khách tỉnh	Gia Nghĩa		2005-2009	891/QĐ-UB, 16/9/2004; 1977/QĐ-UBND, 27/12/2007	103.526	103.526	73.015	73.015	747	747



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
31	Đường nối khu TT hành chính TX Gia Nghĩa và khu TT hành chính tỉnh Đắk Nông (GT2)	Gia Nghĩa	3,338 km	2005-2009	1319/QĐ-UBND, 20/12/2004	48.092	48.092	38.377	38.377	7.020	7.020
32	Đường Đầm Biri và các trục giao thông khu số 5, Sùng Đức, thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2008-2012	218/QĐ-UBND, 16/02/2006	61.845	61.845	51.411	51.411	3.178	3.178
33	Đường số 01 trục Bắc Nam, đô thị Gia Nghĩa	Gia Nghĩa			05/QĐ-UBND, 06/01/2016	96.119	96.119	84.975	84.975	7.579	7.579
34	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm hành chính thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2007-2011	95/QĐ-CTUBND, 25/01/2005; 140/QĐ-CTUBND, 14/01/2010	55.923	55.923	51.174	51.174	1.303	1.303
35	Trụ sở làm việc UBND tỉnh	Gia Nghĩa	cấp 3	2009-2013	1399/QĐ-CTUBND, 24/10/2007; 532/QĐ-UBND 17/4/2010; 1977/QĐ-UBND, 26/12/2014; 72/QĐ-UBND, 14/01/2016	139.231	116.990	116.978	116.978	12	12
36	Đường Nơ Trang Long, thị xã Gia Nghĩa (nay đổi tên thành đường Y Bih Alêô)	Gia Nghĩa		2013-2015	1427/QĐ-UBND, 31/10/2012	34.850	34.850	29.800	29.800	1.700	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
37	Hệ thống đèn chiếu sáng và đèn trang trí đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	Cấp II	2015-2017	232/QĐ-SKH, 31/10/2013	9.400	9.400	3.300	3.300	5.100	
38	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	4,302km	2008-2009	2511/QĐ-UBND huyện, 06/12/2010	4.599	4.599	4.418	4.418	45	45
39	Trung tâm phát sóng phát thanh truyền hình tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2005-2009	552/QĐ-UBND, 18/6/2005	17.602	17.602	11.516	11.516	474	474
40	Đường vào Sở chỉ huy Biên phòng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	1,863km	2006-2007	429a/QĐ-CH, 10/12/2005	5.622	5.622	5.320	5.320	64	64
41	Đường vào đồn Biên phòng 757	Đắk Mil	8,08km		356/QĐ-UBND, 05/4/2005	8.670	8.670	7.375	7.375	59	59
42	Sửa chữa, nâng cấp hạng mục đầu mối công trình thủy lợi Đắk B'Liêng, xã Đắk Tih, huyện Tuy Đức	Tuy Đức		2009-2010	1627/QĐ-UBND, 07/11/2008	7.578	7.578	5.689	5.689	24	24
43	Thủy lợi Đắk R'tih, xã Đắk R'Tih, huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	200 ha	2005-2006	249/QĐ-UBND, 08/11/2004	9.643	9.643	8.090	8.090	61	61




STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
44	Nâng cấp đập Đắc Rĩa, xã Đắc R'Tiê, huyện Đắc R'Lấp	Đắc R'lấp	200 ha	2005-2006	277/QĐ-UBND, 09/6/2010	4.962	4.962	4.562	4.562	16	16
45	Các trục đường nội khu hành chính của tỉnh Đắc Nông	Gia Nghĩa	3,308 km	2006-2008	161/QĐ-UB, 17/02/2005; 1068/QĐ-CTUBND, 9/8/2005	28.566	28.566	23.665	23.665	296	296
46	Cầu qua suối Đắc Rmãng, khu vực thác 12 xã Quảng Sơn, huyện Đắc G'long	Đắc G'long	0,33547 km	2011-2013	1172/QĐ-UBND, 04/9/2008	8.941	8.941	7.500	7.500	1.312	1.312
47	Đường giao thông trục chính trung tâm thị trấn Kiến Đức, huyện Đắc R'Lấp	Đắc R'lấp	2,3 km	2004-2007	959/QĐ-UBND, 23/7/2008	17.293	17.293	16.783	16.783	126	126
48	Trụ sở làm việc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Đắc G'Long	Đắc G'long		2009-2013	113/QĐ-UBND, 18/01/2013	31.665	29.425	24.287	24.287	5.138	5.138
49	Trụ sở làm việc Ban dân tộc tỉnh Đắc Nông	Gia Nghĩa		2006-2010	157/QĐ-SKH, 20/10/2010	4.645	4.645	3.960	3.960	542	542
50	TSLV HĐND và Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Đắc Nông	Gia Nghĩa		2007-2010	1111/QĐ-UBND, 23/7/2009	40.221	40.221	39.166	39.166	465	465




STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
51	Trụ sở làm việc Hạt kiểm lâm thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2009-2010	206/QĐ-SKH 27/11/2008; 120/QĐ-SKH, 09/8/2010	5.646	5.646	5.576	5.576	11	11
52	Trụ sở làm việc Báo Đắk Nông	Gia Nghĩa	Cấp II, 3 tầng	2006-2007	207/QĐ-SKH, 15/12/2005	5.983	5.983	5.415	5.415	210	210
53	Trụ sở làm việc sở Y Tế tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Cấp II, 4 tầng	2009-2012	517/QĐ-SKH, 27/5/2013	10.497	10.497	8.893	8.893	1.311	1.311
54	Trụ sở làm việc Liên minh HTX tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Cấp IV, 4 tầng	2009-2011	83/QĐ-SKH, 28/5/2010	6.579	6.579	4.945	4.945	373	373
55	TSLV Ban quản lý các dự án xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa			43/QĐ-SKH, 29/4/2008	6.160	6.160	6.008	6.008	68	68
56	Sửa chữa hội trường 1200 chỗ ngồi và hội trường 300 chỗ ngồi của Trung tâm hội nghị tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2012-2013	168/QĐ-SKH, 31/10/2012	857	857	792	792	3	3
57	Trụ sở làm việc Trung tâm phát triển quỹ đất	Gia Nghĩa			172/QĐ-SKH, 29/10/2010	7.159	7.159	7.059	7.059	68	68



STT	Danh mục dự án		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
58	Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk R'Măng, huyện Đắk G'Long		Đắk G'Long	23.177,6 m		51/QĐ-UBND, 12/01/2007	34.515	14.653	11.018	11.018	106	106		
59	Kè chắn đất khu vực thấp ăng ten và khu nhà công vụ Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh Đắk Nông		Gia Nghĩa		2.008	120/QĐ-SKH, 28/9/2007	752	752	648	648	31	31		
60	Kè đá thấp ăng ten phía Đông Bắc, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh		Gia Nghĩa		2.010	179/QĐ-SKH, 10/11/2009	1.047	1.047	950	950	36	36		
61	TSLV Chi cục HTX và PTNT tỉnh		Gia Nghĩa	Cấp IV, 3 tầng	2006-2007	271/QĐ-SKH, 26/12/2007	2.962	2.962	2.847	2.847	10	10		
62	Trụ sở làm việc khối dân vận, mặt trận thị xã Gia Nghĩa		Gia Nghĩa		2006-2008	73/QĐ-SKH, 31/5/2006; 131/QĐ-SKH, 22/8/2008	5.973	5.973	5.700	5.700	90	90		
63	Trụ sở làm việc Ban tôn giáo tỉnh Đắk Nông		Gia Nghĩa	Cấp II, 3 tầng	2006-2009	217/QĐ-SKH, 30/12/2005	2.950	2.950	2.462	2.462	99	99		
64	Đường vào cổng chính Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Nông		Gia Nghĩa	416m BTN	2009-2011	203/QĐ-SKH, 28/10/2010	9.979	9.979	7.778	7.778	137	137		



STT	Danh mục dự án		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
65	Trung tâm kiểm định Quy hoạch xây dựng Đắk Nông	Gia Nghĩa		2014-2016	212/QĐ-SKH, 30/10/2013	14.301	14.301	8.200	8.200	2.870		
66	Vuốt nổi từ đường Bắc Nam giai đoạn 2 và Đường Lê Thánh Tông hiện hữu	Gia Nghĩa	120m, đường cấp III	2015-2017	219/QĐ-SKH, 30/10/2013	4.050	4.050	1.400	1.400	1.890		
67	Trường THCS Trần Phú, thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	1.200 học sinh	2009-2011	69/QĐ-UBND, 16/1/2007	17.335	17.335	17.073	17.073			
68	Đường vào doanh trại mới của ban chỉ huy quân sự thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2013-2014	170/QĐ-SKH, 31/10/2012	10.249	10.249	9.289	9.289	671	671	
69	Chợ Nông sản huyện Tuy Đức	Tuy Đức	Cấp IV 2 tầng	2010-2012	1472/QĐ-UBND, 15/12/2009	7.684	7.684	7.329	7.329			
70	Trụ sở làm việc BCH tỉnh Đoàn Đắk Nông	Gia Nghĩa			190/QĐ-SKH 29/11/2006; 99/QĐ-SKH 29/11/2006	12.180	12.180	11.986	11.986			
71	Trụ sở làm việc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắk Nông	Gia Nghĩa	Cấp III, 04 tầng	2006-2007	1748/QĐ-UBND 18/11/2005; 103/QĐ-UBND 14/01/2009	8.775	8.775	8.007	8.007			



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
72	Công trình thủy lợi Đắc Sơn 3, xã Đắc Mol, huyện Đắc Sơn (Thuộc cụm công trình thủy lợi Đắc R'lấp - Đắc Sơn)	Đắc Sơn			177/QĐ-SKH, 31/10/2012	24.310	24.310	20.800	20.800	1.200	
73	Đường giao thông Đức An - Năm Njang, huyện Đắc Sơn, tỉnh Đắc Nông	Đắc Sơn			1431/QĐ-UBND, 31/10/2012	22.475	22.475	19.200	19.200	1.000	
74	Đường vào xã Nhân Đạo, huyện Đắc R'lấp	Đắc R'lấp			1442/QĐ-UBND, 31/10/2012	35.852	35.852	30.700	30.700	1.500	
75	Trung tâm Quy hoạch - Khảo sát thiết kế Nông - Lâm nghiệp tỉnh Đắc Nông	Gia Nghĩa		2015-2017	228/QĐ-SKH, 30/10/2013	14.512	14.512	5.000	5.000	8.000	
76	Trụ sở làm việc Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng	Đắc G'long		2015-2017	214/QĐ-SKH, 30/10/2013	7.242	7.242	2.600	2.600	3.900	
77	Đoạn tuyến 1, từ đường 23/3 đến đường vào trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai và đoạn tuyến 2, từ đường vào trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Cao Thắng	Gia Nghĩa	257,3 m	2015-2017	241/QĐ-SKH, 31/10/2014;	10.656	10.656	3.800	3.800	5.700	
78	Trụ sở làm việc khối dân vận, Mặt trận huyện Đắc G'long	Đắc G'long		2015-2017	215/QĐ-SKH, 30/10/2013	16.140	16.140	5.700	5.700	7.200	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
79	Trạm bơm điện số 4, xã Buôn Choach, huyện Krông Nô	Krông Nô	150ha lúa nước	2014-2016	1726/QĐ-UBND, 31/10/2013	22.000	22.000	14.700	14.700	5.100	
80	Nâng cấp đường Lê Duẩn, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	3 Km BTN	2013-2015	1429/QĐ-UBND, 31/10/2012	44.507	22.253	18.982	18.982	3.271	
81	Mua sắm trang thiết bị làm việc cho trụ sở HĐND-UBND thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2013-2015	1767/QĐ-UBND, 10/10/2013	4.442	4.442	4.000	4.000	400	
82	Đường liên xã Kiến Thành - Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	9,5 km	2013-2015	1434/QĐ-UBND, 31/10/2012	33.303	33.303	28.500	28.500	1.500	
83	Đường giao thông liên xã Trường Xuân - Năm N'Jang, huyện Đắk Song (giai đoạn 1: Từ Quốc lộ 14 đi thôn 8 xã Trường Xuân)	Đắk Song	5 Km	2013-2015	1465/QĐ-UBND 06/10/2011	29.155	29.155	25.000	25.000	1.200	
84	Dự án ổn định dân di cư tự do tại tiểu khu 1541 xã Đắk Ngo	Tuy Đức	500 hộ		1156/QĐ-UBND, 23/08/2011	181.396	181.396	149.538	149.538	13.000	
85	Dự án ổn định dân di cư tự do khu vực biên giới xã Thuận Hà, huyện Đắk Song	Đắk Song	249 hộ	2011-2015	1384/QĐ-UBND, 08/9/2010; 451/QĐ-UBND 25/3/2014	89.207	89.207	72.255	72.255	8.000	




STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	<i>Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020</i>										
1	Trụ sở làm việc Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp	Gia Nghĩa	934 m2	2015-2017	205/QĐ-SKH 31/12/2010; 908/QĐ-UBND, 24/6/2015	9.812	8.039	2.800	2.800	5.239	
2	Đường giao thông Đức An - Nam Bình, huyện Đắk Song	Đắk Song	7270m, đường cấp III	2015-2017	1718/QĐ-UBND, 30/10/2013	40.000	40.000	14.000	14.000	22.000	
3	Trồng cây xanh đường Bắc Nam giai đoạn 2 (đoạn từ đường 23/3 đến đường Lê Thánh Tông)	Gia Nghĩa	11.798 m2	2015-2017	169/QĐ-SKH, 26/10/2015	10.942	10.942	3.500	3.500	6.300	
4	Đường vành đai phía Tây Nam, huyện Đắk Song	Đắk Song	6376m, đường cấp III	2015-2017	1720/QĐ-UBND, 30/10/2013	37.000	37.000	12.000	12.000	21.000	
5	Trung tâm văn hóa huyện Đắk G'long	Đắk G'long	Cấp III, 2 tầng	2015-2017	1190/QĐ-UBND, 01/8/2013	36.567	36.567	12.863	12.863	20.000	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
6	Đường giao thông từ trung tâm thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	22km	2013-2017	1433/QĐ-UBND, 31/10/2012; 805/QĐ-CTUBND 05/4/2013; 3237/QĐ-CTUBND 18/11/2013	78.672	78.672	44.800	44.800	29.000	
7	Đường vào xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song	Đắk Song	Cầu 15m; 12,52 km nhựa	2013-2017	357/QĐ-UB 05/6/2009; 1438/QĐ-UBND 31/10/2012	56.653	56.653	32.917	32.917	18.000	
8	Nâng cấp, sửa chữa hồ thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô	Krông Nô	Gia cố ta luy, thoát nước	2013-2017	1435/QĐ-UBND, 31/10/2012	61.280	61.280	35.800	35.800	19.200	
9	Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Cấp III		1029/QĐ-UBND, 14/7/2010	27.493	27.493	8.559	8.559	16.200	
10	Đường Đắk Mâm đi đôn 7 (759) - Tỉnh lộ 3 đoạn từ Km0+000 đến Km0+900 và đoạn nối trục N7 thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	Krông Nô	1,5km BT Nhựa	2013-2017	1432/QĐ-UBND, 31/10/2012; 1838/QĐ-UBND 12/8/2016	78.035	78.035	40.000	40.000	36.000	
11	Đường giao thông từ xã Tân Thành, huyện Krông Nô đi xã Đắk Sác, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Krông Nô	14 km nhựa	2013-2017	1437/QĐ-UBND, 31/10/2012; 1417/QĐ-UBND 18/8/2016	85.569	85.569	49.305	49.305	35.000	




STT	Danh mục dự án		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
12	Đường tổ dân phố 2 phường Nghĩa Tân (đoạn từ đường Quang Trung đến đường Trần Hưng Đạo), thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2,3 km; chỉ giới 14 m	2013-2017	1426/QĐ-UBND, 31/10/2012	60.553	60.553	33.000	33.000	21.000		
13	Trường Cao đẳng Cộng đồng (giai đoạn 1)	Gia Nghĩa		2014-2018	463/QĐ-UBND 28/3/2016	110.000	110.000	37.710	37.710	59.000		
14	Trung tâm kỹ thuật Đài phát thanh truyền hình tỉnh (giai đoạn 1)	Gia Nghĩa		2014-2018	1716/QĐ-UBND, 30/10/2013; 1358/QĐ-UBND, 12/9/2014	80.000	80.000	29.200	29.200	42.000		
15	Nâng cấp tỉnh lộ 5, đoạn từ trung tâm xã Nghĩa Thắng đến trung tâm xã Đạo Nghĩa, huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	5350 m, cấp III	2015-2019	1727/QĐ-UBND, 31/10/2013	60.000	60.000	12.000	12.000	42.000		
16	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 1)	Đắk R'Lấp - Đắk Glong		2015-2020	1147/QĐ-UBND, 30/7/2015; 2076/QĐ-UBND, 22/12/2015	867.000	275.000	55.000	55.000	200.000		
17	Đường từ Bệnh viện đa khoa tỉnh đi Lê Thánh Tông, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	1,718 km BTN	2013-2017	1427/QĐ-UBND, 31/10/2012	74.060	74.060	37.296	37.296	29.000		
18	Trồng cây xanh, một phần tường rào và một số hạng mục khác thuộc công trình Trụ sở làm việc UBND tỉnh	Gia Nghĩa		2015-2017	1641/QĐ-UBND, 31/10/2014	26.734	21.580	7.500	7.500	14.080		



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch	Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015			Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
19	Đường Lý Thái Tổ đến khu tái định cư B (Giai đoạn 1), đồi Đắc Nur, phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	1.591m, đường phố khu vực cấp III	2014-2018	1719/QĐ-UBND, 30/10/2013	82.500	82.500	31.510	31.510	42.000	
II	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững					132.365	110.826	47.018	47.018	58.682	158
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020					71.901	68.828	47.018	47.018	16.684	158
1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	Toàn tỉnh		2008-2011	1947/ 25/12/2007; 1342/QĐ-UBND 02/9/2009	16.455	16.455	14.180	14.180	158	158
2	Đường lâm nghiệp Năm Nung	Krông Nô	70.887m	2011-2013	1703/QĐ-UBND, 04/11/2011	34.972	31.899	31.373	31.373	526	
3	Chương trình Bảo vệ và Phát triển rừng	Toàn tỉnh			1898/QĐ-UBND 05/12/2011; 1897/QĐ-UBND 05/12/2011; 1116/QĐ-UBND 13/9/2011	20.474	20.474	1.465	1.465	16.000	




STT	Danh mục dự án		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020						60.464	41.998			41.998			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020						60.464	41.998			41.998			
	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2015-2020	Toàn tỉnh		2016-2020	216/QĐ-UBND, 03/02/2016	60.464	41.998			41.998				
III	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					163.504	130.291	5.841	5.841	92.025	25			
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015													
1	Đường giao thông nông thôn thuộc dự án quy hoạch ổn định dân cư tự do khu vực Trảng Ba, xã Đắk Ha, huyện Đắk G'Long	Đắk G'Long	7,26km	2008-2009	104/QĐ-SKH 21/9/2007; 44/QĐ-SKH 06/5/2008; 1366/QĐ-UBND 28/6/2010	6.037	6.037	5.841	5.841	25	25			




STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư từ vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	Dự án chuyển sang giai đoạn 2016-2020										
2	Dự án ổn định dân di cư tự xã Quảng Thành, thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	500 hộ	2015-2019	1554/QĐ-UBND, 6/10/2011; 1572/QĐ-UBND, 20/10/2014	122.213	89.000			69.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ván MDF và veneer gỗ	Đắk Song			1380/QĐ-UBND 13/8/2016	35.254	35.254			23.000	
IV	CTMT đầu tư hạ tầng KKT ven biển, KKT cửa khẩu, KCN, CCN, KCN cao, khu NN ứng dụng công nghệ cao					1.658.088	1.540.000			875.000	
	Hỗ trợ khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn					1.658.088	1.540.000			875.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					1.658.088	1.540.000			875.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020					1.658.088	1.540.000			875.000	
	Dự án nhóm A					1.658.088	1.540.000			875.000	




STT	Danh mục dự án		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ		Đắk R'Lấp	148 ha	2015-2022	1420/QĐ-UBND, 21/9/2015	1.658.088	1.540.000			875.000	
V	Chương trình mục tiêu đầu tư hệ thống y tế địa phương						18.105	16.130	6.300	6.300	9.830	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020						18.105	16.130	6.300	6.300	9.830	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020						18.105	16.130	6.300	6.300	9.830	
	Mua sắm Trang thiết bị chuyên môn cho BVĐK tỉnh		Gia Nghĩa		2015-2017	1638/QĐ-UBND, 30/10/2014; 1747/QĐ-UBND, 14/11/2014	18.105	16.130	6.300	6.300	9.830	
VI	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa						57.847	17.136	2.736	2.736	14.400	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020						57.847	17.136	2.736	2.736	14.400	



STT	Danh mục dự án		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020						57.847	17.136	2.736	2.736	14.400	
	Dự án bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử các di tích về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp đồng bào Mông do N'Trang Long lãnh đạo	Tuy Đức				243/QĐ-UBND, 17/02/2014	57.847	17.136	2.736	2.736	14.400	
VII	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch						24.000	18.117	6.870	6.870	11.247	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020						24.000	18.117	6.870	6.870	11.247	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020						24.000	18.117	6.870	6.870	11.247	
	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 vào Khu du lịch sinh thái, văn hóa kết hợp công viên vui chơi giải trí Liêng Nung	Gia Nghĩa	3,3 km	2015-2017		1639/QĐ-UBND, 30/10/2014	24.000	18.117	6.870	6.870	11.247	
VIII	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm						215.151	190.460	67.040	67.040	111.265	465



STT	Danh mục dự án		Năm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020						72.212	57.460	45.840	45.840	9.665	465		
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015						72.212	57.460	45.840	45.840	9.665	465		
1	Trạm y tế 02 tầng xã Thuận Hà; Hạng mục: Trạm y tế	Đắk Song			2013-2015	1173/QĐ-UBND, 31/10/2012 của UBND huyện Đắk Song	5.000	5.000	4.340	4.340	465	465		
2	Rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh			2013-2015	1037/QĐ-UBND, 18/7/2014	17.660	17.660	10.000	10.000	5.900			
3	Đường giao thông từ trung tâm xã Thuận Hà đi Quốc lộ 14C, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Đắk Song	15 km nhựa		2013-2015	1439/QĐ-UBND, 31/10/2012	49.552	34.800	31.500	31.500	3.300			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020						61.939	52.000	21.200	21.200	29.600			



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	Đường biên phòng 751 gắn với đường tuần tra biên giới	Cư Jút	5.667m	2015-2017	243/QĐ-SKH, 31/10/2014	12.000	12.000	4.200	4.200	6.600	
2	Đường giao thông liên xã Đắk Lao đi Thuận An, huyện Đắk Mil	Đắk Mil	7km	2015-2017	1640/QĐ-UBND, 30/10/2014	49.939	40.000	17.000	17.000	23.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					81.000	81.000			72.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020					81.000	81.000			72.000	
	Đường giao thông từ đồn Biên phòng 765 đi thôn Thuận Nghĩa xã Thuận Hạnh	Đắk Song	Cấp VI, miền núi; L=17,27 km	2016-2020	458/QĐ-UBND 25/3/2016	81.000	81.000			72.000	



Phụ lục số III

Tỉnh Đắk Nông

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRONG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Phụ lục theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch							Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2016					Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			
							Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)					
									Tổng số	Trong đó: NSTW	Tinh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó		NSTW		Các nguồn vốn khác		
												Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG SỐ							2.365.113	349.128	240.524		2.015.985	1.935.720	363.326	89.892	67.276	21.816	274.234	880.659	71.290	39.329	809.369
1	Các dự án hoàn thành trong năm 2016							670.058	155.297	111.242		514.761	482.242	313.520	66.716	66.716		246.804	143.269	22.792	39.329	120.477
1	Dự án Tăng cường năng lực kinh tế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông			210-2017	IFAD	9/11/2010	443/QĐ-UBND 07/04/2010	443.344	43.544	30.481	19	399.800	367.281	252.417	5.613	5.613		246.804	126.477	6.000		120.477
2	Tiểu dự án 1, đoạn km0+900-km20 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Đắk Mâm đi đôn 7 - Tỉnh lộ 3	Huyện Krông Nô và Huyện Đắk Mil	19,1 Km	10/2010 - 4/2012	JICA	2/3/2010	QĐ 352/QĐ-UBND 11/3/2009; 954/QĐ-UBND 02/7/2010	62.953	23.024	16.117	2	39.929	39.929	11.834	11.834	11.834			3.426	3.426		




TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Kết hợp định	Số quyết định	định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch						Lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2016				Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020					
								TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:		
								Trong đó:							Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng nguồn NSTW				
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Trong đó: NSTW		Các nguồn vốn khác	Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)				
								Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Tổng số									Trong đó: cấp phát từ NSTW	Tổng số	NSTW	Tổng số
3	Tiểu dự án 2, đoạn km20+00- km21+636,11- và km24+636,11- km30+100 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Đắk Mâm đi đôn 7 - Tỉnh lộ 3	Đắk Mĩ	7,1 km	2010-2013	JICA	2/3/2010	1755/QĐ-UBND 18/11/2009	30.675	12.675	11.407	I	18.000	18.000	4.700	4.700	4.700		5.366	5.366				
4	Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk Ha	Đắk Glong	27,372Km	2010-2014	JICA	2/3/2010	QĐ số 1104/QĐ-UBND, 30/8/2007; 222/QĐ-UBND, 5/02/2010; 912/QĐ-UBND, 04/7/2011; 2199/QĐ-UBND, 17/12/2013	133.086	76.054	53.238		57.032	57.032	44.569	44.569	44.569		8.000	8.000				
II	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2017							1.010.891	107.924	75.547		902.967	902.967	49.806	22.376	560	21.816	27.430	431.108	48.498	382.611		
I	Dự án Giảm nghèo khu vực Tây nguyên - tỉnh Đắk Nông	Toàn tỉnh		2014-2018	WB	1/8/2013	1702/QĐ-UBND, 29/10/2013	453.817	37.800	26.460	20	416.017	416.017	30.560	10.560	560	10.000	20.000	292.851	13.860	278.991		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch							Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2016					Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020						
							Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
								Trong đó:							Vốn đối ứng					Tổng số	Trong đó:				
								Vốn đối ứng							Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Tổng số	Trong đó:			
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)
Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW	Tổng số	Trong đó	NSTW	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)													
2	Dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2, tỉnh Đắk Nông	Toàn tỉnh		2014-2019	ADB	8/11/2013	696/QĐ-UBND 18/5/2015	287.551	27.680	19.376	12	259.871	259.871	5.997	367		367	5.630	119.996	16.376				103.620	
3	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên			2014-2019	ADB	1/8/2014	1261/QĐ-BNN-HTQT, 04/8/2013, QĐ 3168/QĐ-BNN-KH, 28/7/2016	269.523	42.444	29.711	11	227.079	227.079	13.249	11.449		11.449	1.800	18.262	18.262					
III	Dự án khởi công mới							684.164	85.907	53.735		598.257	598.511					306.281						306.281	
1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VNSat), tỉnh Đắk Nông	Đắk Lắk, Đắk Mil, Đắk Song, Gia Nghĩa		2015-2020	WB	9/7/2015	1992/QĐ-BNN 29/5/2015	206.960	49.515	39.612	7	157.445	157.445												
2	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải y tế bệnh viện, tỉnh Đắk Nông	7 huyện, 1 thị xã		2015-2017	WB	31/5/2011	147/QĐ-BYT ngày 21/01/2011	45.672	6.290	4.403	2	39.382	39.382						39.382					39.382	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Hình thức tài trợ	Ngày lập dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch						Lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2016	Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020									
								Số quyết định	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			
									Trong đó:							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)	
									Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)						
									Tổng số	Trong đó: NSTW	Tinh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW	Tổng số	Trong đó		NSTW	Các nguồn vốn khác		
												Tổng số											Trong đó: cấp phát từ NSTW	Tổng số
Tổng số	Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó	NSTW	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Trong đó	NSTW	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Trong đó	NSTW	Các nguồn vốn khác										
3	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới, tỉnh Đắk Nông			2016-2022	WB	10/3/2016	QĐ 3606/QĐ-BNN, ngày 04/9/2015	201.807	17.952		8	183.855	168.589						166.899				166.899	
4	Dự án Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông			2016-2022	WB	8/4/2016	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09 tháng 11 năm 2015	229.725	12.150	9.720	10	217.575	185.095						100.000				100.000	